



FROM |



# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



[Ambetter.WellCareKy.com](https://Ambetter.WellCareKy.com)

# Giới Thiệu Về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Wellcare of Kentucky, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị một bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Vui lòng lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị bao trả. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc loại ra khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Các loại thuốc được chọn bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn về độ tuổi.
- Bậc 1A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho các loại thuốc được chọn mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Các thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Các thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình cho các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao bao gồm các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt phạm vi bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể yêu cầu mua thuốc tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

### Sự Chấp Thuận Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự chấp thuận trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Chấp Thuận Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu bị từ chối, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu chấp thuận trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

#### Các Từ Viết Tắt Trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Chấp Thuận Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không Thuộc Danh Mục Thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

#### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc bởi yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid đã mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Chấp Thuận Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS</i> 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG- 7.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS</i> 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG- 1.875 MG-1.875 MG- 1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24</i> 10 MG, 15 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24</i> 5 MG	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS</i> 5 MG, 10 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRACE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i> 30 MG	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
<b>AMEBICIDES</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Amebicides</b>		
SOLOSEC	3	PA
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Aminoglycosides</b>		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Antirheumatic - Enzyme Inhibitors</b>		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
<b>Antirheumatic Antimetabolites</b>		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
<b>Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Salicylates</b>		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Opioid Agonists</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
			SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SUBSYS LIQD 800 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA		1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
<b>Opioid Combinations</b>			<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>		
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>		
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>		
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>		
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<b>Opioid Partial Agonists</b>		
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	BRIXADI SOSY		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	3		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	1B		
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>		
			1B		
			<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>		
			1B		
			<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>		
			1B		
			<i>buprenorphine hcl SOLN</i>		
			1B		
			<i>buprenorphine hcl SUBL</i>		
			1B		
			<i>buprenorphine PTWK</i>		
			1B		
			QL(0.143 ea daily); PA		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY 300 MG/1.5ML	3	1 rtl MAX fill; 26 rtl day(s) supply; QL(0.06 ml daily)
SUBLOCADE SOSY 100 MG/0.5ML	3	1 rtl MAX fill; 26 rtl day(s) supply; QL(0.02 ml daily)
ZUBSOLV SUBL 0.71 MG-2.9 MG	3	QL(3 ea daily)
ZUBSOLV SUBL 0.18 MG-0.7 MG, 0.36 MG-1.4 MG, 1.4 MG-5.7 MG, 2.1 MG-8.6 MG, 2.9 MG-11.4 MG	3	QL(1 ea daily)
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS -</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
Intra-rectal Steroids		
<i>budesonide (intra-rectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intra-rectal)</i>	1B	
UCERIS ( <i>budesonide (intra-rectal)</i> )	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV ( <i>nitroglycerin (intra-anal)</i> )	3	QL(2 gm daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1B	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Nitrates</b>		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
<i>NITRO-BID OINT</i>	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
<i>NITROGLYCERIN SOLN IV</i>	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
<b>ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
<b>Antianxiety Agents - Misc.</b>		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
<b>Benzodiazepines</b>		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
<b>Antiarrhythmics Type I-A</b>		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
<b>Antiarrhythmics Type I-B</b>		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
<b>Antiarrhythmics Type I-C</b>		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
<b>Antiarrhythmics Type III</b>		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
<b>ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
<b>Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies</b>		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA
<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
QVAR REDIHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill	STRIVERDI RESPIMAT	2	
			<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
			<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
			TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
DULERA	2		<b>Xanthines</b>		
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
			<i>theophylline ELIX</i>	1B	
			<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
			<i>theophylline TB12</i>	1B	
			<i>theophylline TB24</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
			<b>Coumarin Anticoagulants</b>		
			<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<b>Direct Factor Xa Inhibitors</b>		
			ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)	ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)	XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B		XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
<b>Heparins And Heparinoid-Like Agents</b>		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML</i>	4	SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<b>Thrombin Inhibitors</b>		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG</i>	1B	
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1B	
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
<b>AMPA Glutamate Receptor Antagonists</b>		
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
<b>Anticonvulsants - Benzodiazepines</b>		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<b>Anticonvulsants - Misc.</b>		
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2	
EPIDIOLEX	3	PA	TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lacosamide SOLN OR 10 MG/ML</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B		Carbamates		
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	GABA Modulators		
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Hydantoins</b>			<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
DILANTIN	2		<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2		<b>Antidepressants - Misc.</b>		
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin CHEW</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>phenytoin SUSP</i>	1B		<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>		
<b>Succinimides</b>			EMSAM	3	QL(1 ea daily)
CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)	MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)	<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>		
ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)	SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
<b>Valproic Acid</b>			SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B		<b>Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)</b>		
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>valproic acid CAPS</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>					
<b>Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)</b>					
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>escitalopram oxalate</i> TABS 10 MG	1B	QL(2 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>escitalopram oxalate</i> TABS 5 MG	1B	QL(4 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS 10 MG	1A	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS 40 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>desvenlafaxine succinate</i> 25 MG, 50 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl</i> CPDR	1B		<i>desvenlafaxine succinate</i> 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl</i> SOLN	1B	QL(20 ml daily)	<i>duloxetine hcl</i> CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl</i> TABS 10 MG, 60 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl</i> CPEP 40 MG	1B	
<i>fluoxetine hcl</i> TABS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate</i> TABS 100 MG	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluvoxamine maleate</i> TABS 25 MG, 50 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> CP24 37.5 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> SUSP	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl</i> CP24 150 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TABS 40 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> CP24 75 MG	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TABS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> TABS	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TABS 10 MG	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TABS 30 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> TB24 150 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TB24 25 MG, 37.5 MG	1B	QL(2 ea daily)	Tricyclic Agents		
<i>paroxetine hcl</i> TB24 12.5 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>amitriptyline hcl</i> TABS	1B	
<i>sertraline hcl</i> CONC	1B	QL(10 ml daily)	<i>amoxapine</i>	1B	
<i>sertraline hcl</i> TABS 100 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>sertraline hcl</i> TABS 25 MG, 50 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>desipramine hcl</i> TABS	1B	
Serotonin Modulators			<i>doxepin hcl</i> CAPS	1B	
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl</i> CONC	1B	
<i>trazodone hcl</i> TABS	1B		<i>imipramine hcl</i> TABS	1B	
			<i>imipramine pamoate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>		
<b>Alpha-Glucosidase Inhibitors</b>		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Antidiabetic Combinations</b>		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
<b>Biguanides</b>		
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Diabetic Other</b>		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>			INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
<i>alogliptin benzoate 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
<i>alogliptin benzoate 25 MG</i>	1B		LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
<b>Incretin Mimetic Agents</b>			NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2	
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA	<b>Insulin Sensitizing Agents</b>		
<b>Insulin</b>			<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	<b>Meglitinide Analogues</b>		
APIDRA SOLN	3	PA	<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2		<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)	<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)	<b>Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors</b>		
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B		FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B		JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B		<b>Sulfonylureas</b>		
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B		<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B		<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2		<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antiperistaltic Agents</b>		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
<b>Antidotes - Chelating Agents</b>		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
<b>Antidotes and Specific Antagonists</b>		
VISTOGARD	4	PA
<b>Opioid Antagonists</b>		
KLOXXADO LIQD	3	
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
OPVEE NA	3	
VIVITROL	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
ZIMHI SOSY	3	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
<b>5-HT3 Receptor Antagonists</b>		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPB	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
<b>Antihistamines - Piperidines</b>		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
<b>ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
<b>Antihyperlipidemics - Combinations</b>		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antihyperlipidemics - Misc.</b>		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Bile Acid Sequestrants</b>		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
<b>Fibric Acid Derivatives</b>		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>HMG CoA Reductase Inhibitors</b>		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors</b>		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Nicotinic Acid Derivatives</b>		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors</b>		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>ACE Inhibitors</b>		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Agents for Pheochromocytoma</b>		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
<b>Angiotensin II Receptor Antagonists</b>		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antiadrenergic Antihypertensives</b>		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
<b>Antihypertensive Combinations</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<b>Leprostatics</b>		
<i>dapsone</i>	1B	
<b>Lincosamides</b>		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
<b>Monobactams</b>		
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
<b>Polymyxins</b>		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
<b>Urinary Anti-infectives</b>		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>		
Alkylating Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
ZIRABEV	4	PA
<b>Antineoplastic - Antibodies</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADCETRIS	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA
TRUXIMA	4	PA
YERVOY	4	SP; PA
<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>		
KANJINTI	4	PA
OGIVRI	4	PA
PERJETA	4	SP; PA
TRAZIMERA	4	PA
TUKYSA	4	PA
<b>Antineoplastic - EGFR Inhibitors</b>		
ERBITUX	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors</b>		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic - Hormonal and Related Agents</b>		
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	30 rtl pack lmt day(s); 30 mail pack lmt day(s); QL(2 ea daily); SP; PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	Antineoplastic - Immunomodulators		
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); PA	AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
<i>letrozole</i>	1B		Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA	XPOVIO	4	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA	Antineoplastic Antibiotics		
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA	<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B		<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B		<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA	<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
			<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
			<i>valrubicin</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic Combinations			IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	SP; PA	KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	KYPROLIS	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	MEKTOVI	4	SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA	PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QINLOCK	4	PA
RETEVMO	4	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
TABRECTA	4	PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
TAZVERIK	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
TIBSOVO	4	PA
TURALIO	4	PA
TURALIO	4	AC; PA
VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP; PA
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
LITHIUM	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST	<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST	<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST	<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Benzisoxazoles</b>			<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
FANAPT TITRATION PACK	2	PA	<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA	<b>Phenothiazines</b>		
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<b>Butyrophenones</b>			<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)	<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B		<i>prochlorperazine</i>	1B	
<b>Dibenzapines</b>			<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<i>clozapine TABS</i>	1B		<b>Quinolinone Derivatives</b>		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
REXULTI	3	PA	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
Thioxanthenes			<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>thiothixene</i>	1B		<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>					
Antiretrovirals					
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)	GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST	ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)	JULUCA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
			NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
			ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
			PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
			PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)	BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)	<i>entecavir</i> TABS	4	QL(1 ea daily); SP; PA
PREZISTA TABS 800 MG ( <i>darunavir</i> )	3	QL(1 ea daily)	EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine (hbv)</i> TABS	1B	QL(3 ea daily); SP
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3		PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>ritonavir</i> TABS	1B	QL(12 ea daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
RUKOBIA	4	PA	<i>ribavirin (hepatitis c)</i> CAPS	1B	QL(7 ea daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)	<i>ribavirin (hepatitis c)</i> TABS 200 MG	1B	QL(7 ea daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)	SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>stavudine</i> CAPS	1B	QL(2 ea daily)	<b>Herpes Agents</b>		
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)	<i>acyclovir</i> CAPS	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>tenofovir disoproxil fumarate</i> TABS	1B		<i>acyclovir</i> SUSP	1B	QL(13.34 ml daily)
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>acyclovir</i> TABS OR	1B	QL(5 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)	<i>famciclovir</i> 125 MG, 250 MG	1B	QL(3 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)	<i>famciclovir</i> 500 MG	1B	QL(4 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)	<i>valacyclovir hcl</i> 1 GM, 1000 MG	1B	QL(4 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)	<i>valacyclovir hcl</i> 500 MG	1B	QL(2 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)	<b>Influenza Agents</b>		
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)	<i>oseltamivir phosphate</i> CAPS	1B	Limit 1 fill every 90 days. ; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)			
<i>zidovudine</i> CAPS	1B	QL(6 ea daily)			
<i>zidovudine</i> SYRP	1B	QL(60 ml daily)			
<i>zidovudine</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)			
<b>CMV Agents</b>					
<i>cidofovir</i>	3				
<i>ganciclovir sodium</i> SOLR	1B				
<i>valganciclovir hcl</i> TABS	1B	QL(4 ea daily); PA			
<b>Hepatitis Agents</b>					
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)	<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)	<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>			<i>pindolol TABS</i>	1B	
Alpha-Beta Blockers			<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>carvedilol</i>	1B		<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B		<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B		<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective			<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B		<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<i>atenolol TABS</i>	1B		Calcium Channel Blockers		
<i>betaxolol hcl</i>	1B		<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B		<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B		<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
Beta Blockers Non-Selective			<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA	<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
			<i>felodipine</i>	1B	
			<i>isradipine CAPS</i>	1B	
			<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
			<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Agonist</b>			<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA	<i>cefroxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<b>Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator</b>			<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
<b>Sinus Node Inhibitors</b>			<b>Cephalosporins - 3rd Generation</b>		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA	<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<b>Transthyretin Stabilizers</b>			<i>cefixime CAPS</i>	1B	
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>			<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<b>Cephalosporins - 1st Generation</b>			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B		<b>Cephalosporins - 4th Generation</b>		
<i>cephalexin CAPS</i>	1B		<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B		<b>Cephalosporins - 5th Generation</b>		
<b>Cephalosporins - 2nd Generation</b>			TEFLARO	3	
<i>cefaclor CAPS</i>	1B		<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>		
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B		<b>Combination Contraceptives - Oral</b>		
			BALCOLTRA ( <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i> )	0	
			<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0		<b>Combination Contraceptives - Transdermal</b>		
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		<b>Combination Contraceptives - Vaginal</b>		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		ANNOVERA	0	PA
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
LO LOESTRIN FE TABS	0		<b>Emergency Contraceptives</b>		
NATAZIA	0		ELLA	0	
NEXTSTELLIS	0		<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0		<b>Progestin Contraceptives - Injectable</b>		
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)
<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)
<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0		<b>Progestin Contraceptives - Oral</b>		
<i>norethindrone acet &amp; eth estra</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0		OPILL	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		SLYND	0	QL(1 ea daily)
			<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>		
			<b>Glucocorticosteroids</b>		
			<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	<i>prednisone TBPK</i>	1B	
DEPO-MEDROL SUSP	3		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B		<b>Mineralocorticoids</b>		
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A		<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B		<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		
EMFLAZA SUSP	4	PA	<b>Antitussives</b>		
EMFLAZA TABS ( <i>deflazacort</i> )	4	PA	<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B		<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
MEDROL TABS	3		<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B		<b>Cough/Cold/Allergy Combinations</b>		
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B		<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B		TUZISTRA XR	2	PA
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B		<b>Misc. Respiratory Inhalants</b>		
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B		HYPERSAL NEBU	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3		NEBUSAL NEBU	1B	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B		<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B		<b>Mucolytics</b>		
<i>prednisone SOLN</i>	1B		<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B		<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A		<b>Acne Products</b>		
			<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC	DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<b>Antibiotics - Topical</b>		
			ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<b>Antifungals - Topical</b>		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>tavaborole</i>	1B	PA
<b>Anti-inflammatory Agents - Topical</b>		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
<b>Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical</b>		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)	<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
Antipruritics - Topical			TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA	TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA
Antipsoriatics			Antiseborrheic Products		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Antivirals - Topical		
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	Burn Products		
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	SULFAMYLON CREA	3	
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	Corticosteroids - Topical		
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
			<i>amcinonide OINT</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
			<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
			<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
			<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
			<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
			<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
HALOG OINT	3	PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
<b>Rosacea Agents</b>		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
<b>Wound Care Products</b>		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
<b>Diagnostic Drugs</b>		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
<b>Diagnostic Tests</b>		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
PTS PANELS KETONE TEST	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>		
<b>Digestive Enzymes</b>		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>			<i>furosemide TABS</i>	1B	
Carbonic Anhydrase Inhibitors			<i>torseamide TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA	<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
Diuretic Combinations			<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B		<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1B		<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Loop Diuretics			<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B		<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>		
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)	<b>Bone Density Regulators</b>		
			<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
			<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
			FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
			FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
			<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Drugs</b>		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Alkalinizers</b>		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1B	RX/OTC
<b>Cystinosis Agents</b>		
CYSTAGON CAPS	3	PA
<b>Genitourinary Irrigants</b>		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
<b>Interstitial Cystitis Agents</b>		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
<b>Prostatic Hypertrophy Agents</b>		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
<b>Urinary Analgesics</b>		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<b>Urinary Stone Agents</b>		
THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Gout Agent Combinations</b>		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
<b>Gout Agents</b>		
<i>allopurinol</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<b>Uricosurics</b>		
<i>probenecid</i>	1B	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
<b>Bradykinin B2 Receptor Antagonists</b>		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<b>Complement Inhibitors</b>		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
<b>Hematorheologic Agents</b>		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Plasma Kallikrein Inhibitors</b>		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
<b>Platelet Aggregation Inhibitors</b>		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Azithromycin</b>			FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<i>azithromycin PACK</i>	1B		FEMCAP DEVI	0	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B		KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>azithromycin SUSR</i>	1B		KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)	KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<b>Clarithromycin</b>			KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B		KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>clarithromycin TABS</i>	1B		KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>clarithromycin TB24</i>	1B		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<b>Erythromycins</b>			KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base CPEP</i>	3		KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B		K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<b>Fidaxomicin</b>			MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>					
<b>Contraceptives</b>					
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
CAYA DPRH	0				
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)			
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)			
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	<b>Diabetic Supplies</b>		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
			FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
			SELECT LANCETS	1B	6.66/day

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B		<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
Parenteral Therapy Supplies			<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day	<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>			<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST	<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products					
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)			
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B				
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)			
Serotonin Agonists					
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>			<b>POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS</b>	1B	
<b>Bicarbonates</b>			<b>POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)</b>	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>ringer's</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1B		<b>Fluoride</b>		
<b>Calcium</b>			<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<b>Magnesium</b>		
<b>Electrolyte Mixtures</b>			<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		<b>Phosphate</b>		
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		<b>Potassium</b>		
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
ISOLYTE-S	1B				
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1B				
<i>lactated ringer's</i>	1B				
NORMOSOL-M/D5W	1B				
NORMOSOL-R	1B				
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1B				
PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1B				



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		NULOJIX	4	SP; PA
<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>			PROGRAF PACK	2	PA
Chelating Agents			PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	SIMULECT	3	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
Immunomodulators			THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Irrigation Solutions		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>ringer's irrigation</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		Potassium Removing Agents		
<i>azathioprine TABS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>					
Anesthetics Topical Oral					
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>				1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
Anti-infectives - Throat			NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
DEBACTEROL	2		ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Dental Products			ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>MULTIVITAMINS</b>			PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)			
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
<b>Beta-blockers - Ophthalmic</b>		
<i>betaxolol hcl (ophth)</i> SOLN	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth)</i> SOLG	1B	
<i>timolol maleate (ophth)</i> SOLN	1B	
<b>Cycloplegic Mydriatics</b>		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<b>Miotics</b>		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
<b>Ophthalmic Adrenergic Agents</b>		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
<b>Ophthalmic Anti-infectives</b>		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth)</i> SOLN	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin sulfate (ophth)</i> OINT	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth)</i> SOLN	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth)</i> SOLN OP	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth)</i> SOLN	1B	
<i>tobramycin (ophth)</i> SOLN	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
<b>Ophthalmic Immunomodulators</b>		
<i>cyclosporine (ophth)</i> EMUL	3	PA
<b>Ophthalmic Local Anesthetics</b>		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
<b>Ophthalmic Steroids</b>		
ALREX SUSP ( <i>loteprednol etabonate</i> )	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth)</i> SUSP	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate</i> GEL	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
<b>OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear</b>		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
<b>PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System</b>		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Agents for Chemical Dependency</b>		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail)
<b>Antidementia Agents</b>		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
<b>Combination Psychotherapeutics</b>		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Fibromyalgia Agents</b>		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
<b>Movement Disorder Drug Therapy</b>		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<b>Multiple Sclerosis Agents</b>		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	4	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	4	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
<b>Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin (once-daily)</i> 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily)</i> 330 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK 125 MG- 100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK 100 MG- 50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS ( <i>levothyroxine sodium</i> )	2	
<b>TOXOIDS</b>		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SUSP</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC

### URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms

#### Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)

<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)

#### Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists

<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	

#### Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants

<i>flavoxate hcl</i>	1B	
----------------------	----	--

### VACCINES

#### Bacterial Vaccines

ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MENACTRA	0		AREXVY	0	
MENQUADFI	0		COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
MENVEO SOLR	0		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
PEDVAX HIB SUSP	0		COMIRNATY SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
PREVNAR 13	0		FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
TRUMENBA	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<b>Viral Vaccines</b>			FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ABRYSVO	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
			GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HAVRIX	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill	RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
IPOL INACTIVATED IPV	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	ROTARIX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023- 24 SUSP	0		ROTARIX SUSR	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0		ROTATEQ SOLN	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5- 11Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5- 11Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO- 4Y/2023-24 SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO- 4Y SUSP	0		VAQTA	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0		<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	Miscellaneous Vaginal Products		
			INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
			Spermicides		
			TODAY SPONGE MISC	0	
			Vaginal Anti-infectives		
			<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(2.5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	30	acyclovir CAPS .....	31	albendazole .....	7
abacavir sulfate TABS .....	30	acyclovir SUSP .....	31	albuterol sulfate AERS .....	9
abacavir sulfate-lamivudine .....	30	acyclovir TABS OR .....	31	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML .....	9
ABELCET .....	18	acyclovir topical CREA .....	39	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML .....	9
abiraterone acetate 250 MG .....	24	acyclovir topical OINT .....	39	albuterol sulfate SYRP .....	9
abiraterone acetate 500 MG .....	25	ADACEL SUSP .....	62	albuterol sulfate TABS .....	9
ABRYSCO .....	64	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	alclometasone dipropionate CREA	39
acamprosate calcium .....	60	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	alclometasone dipropionate OINT	39
acarbose .....	15	adapalene CREA .....	37	ALDURAZYME .....	44
acebutolol hcl CAPS .....	32	adapalene GEL 0.1 % .....	37	ALECENSA .....	26
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 % .....	37	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	43
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	36	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	43
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	24	alfuzosin hcl .....	47
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	31	ALINIA SUSP .....	21
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG ....	6	ADEMPAS .....	34	aliskiren fumarate .....	21
acetazolamide CP12 .....	43	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ....	62	allopurinol .....	47
acetazolamide sodium .....	43	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP .....	64	almotriptan malate 12.5 MG .....	52
acetazolamide TABS 125 MG .....	43	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	64	almotriptan malate 6.25 MG .....	52
acetazolamide TABS 250 MG .....	43	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	64	ALOCRIAL .....	58
acetic acid (otic) .....	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	64	alogliptin benzoate 12.5 MG .....	16
acetic acid 0.25 % .....	47	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	64	alogliptin benzoate 25 MG .....	16
acetylcysteine SOLN .....	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	64	alogliptin-metformin hcl .....	15
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	39	AIMOVIG .....	52	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG .....	15
acitretin 25 MG .....	39	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	50	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG .....	15
ACTHAR .....	44	AKYNZEO .....	17	ALOMIDE .....	58
ACTHIB SOLR IM .....	63				
ACTIMMUNE .....	27				

alose tron hcl .....	46	calcium .....	33	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG .....	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG .....	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1
alprazolam TABS 2 MG .....	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil .....	20	amphotericin b IV .....	18
alprazolam TB24 .....	8	amlodipine besylate-valsartan ....	20	amphotericin b liposome .....	18
alprazolam TBDP .....	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide .....	20	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM .....	59
ALREX SUSP (lote prednol etabonate) .....	57	amoxapine .....	14	ampicillin CAPS 500 MG .....	59
ALTABAX .....	37	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 59		ampicillin sodium IJ 1 GM .....	59
ALUNBRIG TABS .....	26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		anagrelide hcl .....	47
ALUNBRIG TBPK .....	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		anastrozole .....	25
ALVESCO .....	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 59		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR .....	7
alvimopan .....	46	amoxicillin CAPS .....	59	ANNOVERA .....	35
amantadine hcl CAPS .....	28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 59		ANORO ELLIPTA .....	9
amantadine hcl SOLN .....	28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ...	59	ANZEMET TABS 50 MG .....	17
amantadine hcl TABS .....	28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML .....	59	APIDRA SOLN .....	16
ambrisentan .....	33	amoxicillin TABS .....	59	APIDRA SOLOSTAR SOPN .....	16
amcinonide CREA .....	39	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK .....	63	apomorphine hydrochloride SOCT	28
amcinonide LOTN .....	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG .....	1	apraclonidine hcl .....	57
amcinonide OINT .....	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG .....	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	18
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML .....	2	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1	aprepitant CAPS 80 MG .....	18
amiloride & hydrochlorothiazide ..	43			aprepitant CAPS .....	17
amiloride hcl TABS .....	43			aprepitant MISC .....	18
aminocaproic acid TABS .....	48			APTIOM .....	11
aminophylline SOLN .....	10			APTIVUS CAPS .....	30
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ...	8				
amiodarone hcl TABS .....	8				
amitriptyline hcl TABS .....	14				
amlodipine besylate TABS .....	32				
amlodipine besylate-atorvastatin					



ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML .....	48	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG .....	1	bacitracin .....	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	1	baclofen TABS 10 MG, 20 MG ....	56
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	48	atorvastatin calcium TABS .....	19	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .....	34
ARCALYST .....	3	atovaquone .....	21	balsalazide disodium CAPS .....	46
AREXVY .....	64	atovaquone-proguanil hcl .....	22	BALVERSA .....	26
arformoterol tartrate .....	9	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML .....	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
ARIKAYCE .....	2	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
aripiprazole SOLN OR .....	30	ATROVENT HFA .....	9	BARACLUDGE SOLN .....	31
aripiprazole TABS .....	30	AUSTEDO TABS .....	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN ....	16
armodafinil .....	1	AVONEX PEN AJKT .....	60	BAXDELA SOLR .....	45
ARMOUR THYROID TABS .....	62	AVONEX PSKT .....	60	BAXDELA TABS .....	45
ARNUITY ELLIPTA .....	9	AYVAKIT .....	25	BELSOMRA .....	49
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	27	azacitidine SUSR .....	23	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
ARZERRA .....	24	AZASITE .....	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
asenapine maleate 2.5 MG .....	29	AZATHIOPRINE .....	54	benazepril hcl .....	19
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	29	azathioprine TABS .....	54	bendamustine hcl SOLR .....	23
aspirin CHEW .....	4	azelaic acid GEL .....	42	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	
aspirin TABS 325 MG .....	4	azelastine hcl (ophth) .....	58	benzonatate 100 MG .....	36
aspirin TBEC 325 MG .....	4	azelastine hcl .....	56	benzonatate 150 MG .....	36
aspirin TBEC 81 MG .....	4	AZELEX .....	37	benzonatate 200 MG .....	36
aspirin-dipyridamole .....	47	azithromycin PACK .....	50	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....	37
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	30	azithromycin SOLR .....	50	benzoyl peroxide GEL 10 % .....	37
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	30	azithromycin SUSR .....	50	benzoyl peroxide GEL 5 % .....	37
atenolol & chlorthalidone .....	20	azithromycin TABS 250 MG .....	50	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 % .....	37
atenolol TABS .....	32	azithromycin TABS 500 MG .....	50	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	
ATGAM .....	54	azithromycin TABS 600 MG .....	50		
		bacitracin (ophthalmic) .....	57		

37	bimatoprost SOLN	58	budesonide (inhalation) SUSP	9	
benztropine mesylate SOLN	28	bisacodyl SUPP	49	budesonide (intrarectal)	7
benztropine mesylate TABS	28	bisacodyl TBEC	49	budesonide (nasal)	56
bepotastine besilate	58	bisoprolol & hydrochlorothiazide	20	budesonide CPEP	35
betaine	44	bisoprolol fumarate	32	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate (topical) CREA	40	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	43
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	40	BOOSTRIX SUSP	62	bumetanide TABS	43
betamethasone dipropionate (topical) OINT	40	BOOSTRIX SUSY	62	buprenorphine hcl SOLN	6
betamethasone dipropionate augmented CREA	40	bortezomib SOLR IJ	26	buprenorphine hcl SUBL	6
betamethasone dipropionate augmented LOTN	40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	6
betamethasone dipropionate augmented OINT	40	bosentan TABS 125 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	6
betamethasone valerate CREA	40	bosentan TABS 62.5 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	6
betamethasone valerate FOAM	40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26	buprenorphine PTWK	6
betamethasone valerate LOTN	40	BOSULIF TABS 400 MG	26	bupropion hcl (smoking deterrent)	61
betamethasone valerate OINT	40	BRAFTOVI 75 MG	26	bupropion hcl TABS	13
BETASERON KIT	60	BREO ELLIPTA	10	bupropion hcl TB12 100 MG	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	57	BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl TB12 150 MG	13
betaxolol hcl	32	BRILINTA	47	bupropion hcl TB12 200 MG	13
bethanechol chloride 25 MG	63	brimonidine tartrate (topical)	42	bupropion hcl TB12 240 MG	13
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	63	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	57	bupropion hcl TB24 150 MG	13
bexarotene (topical)	38	brimonidine tartrate-timolol maleate	57	bupropion hcl TB24 300 MG	13
bexarotene	27	brinzolamide	58	buspirone hcl 5 MG	8
BEXSERO	63	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	11	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
bicalutamide	25	BRIVIACT TABS	11	busulfan SOLN	23
BIKTARVY	30	BRIXADI SOSY	6	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4
		bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	58	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4
		bromocriptine mesylate CAPS	28		
		bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28		
		BRUKINSA	26		

butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	53	carteolol hcl (ophth) .....	57
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium polycarbophil TABS .....	49	carvedilol .....	32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	6	CALQUENCE .....	26	carvedilol phosphate .....	32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....	6	candesartan cilexetil .....	20	caspofungin acetate .....	18
butalbital-aspirin-caffeine CAPS ....	4	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide .....	20	CAYA DPRH .....	50
butalbital-aspirin-caffeine w/cod ....	6	CAPASTAT SULFATE .....	23	CAYSTON .....	22
butenafine hcl .....	38	capecitabine .....	23	cefaclor CAPS .....	34
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....	7	CAPRELSA .....	26	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML .....	34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	captopril 12.5 MG .....	20	cefadroxil CAPS .....	34
cabergoline .....	45	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefadroxil SUSR .....	34
CABLIVI .....	47	carbamazepine CHEW .....	11	cefadroxil TABS .....	34
CABOMETYX TABS .....	26	carbamazepine CP12 100 MG ....	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG .....	34
calcipotriene CREA .....	39	carbamazepine CP12 200 MG ....	12	cefdinir CAPS .....	34
calcipotriene OINT .....	39	carbamazepine CP12 300 MG ....	12	cefdinir SUSR .....	34
calcipotriene SOLN .....	39	carbamazepine SUSP .....	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT .....	40	carbamazepine TABS .....	12	cefixime CAPS .....	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP .....	40	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....	12	cefixime SUSR .....	34
calcitonin (salmon) NA .....	43	carbamazepine TB12 200 MG ....	12	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcitriol (topical) .....	39	carbidopa .....	28	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcitriol CAPS .....	44	carbidopa-levodopa TABS .....	28	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34
calcitriol SOLN IV .....	44	carbidopa-levodopa TBCR .....	28	cefpodoxime proxetil SUSR .....	34
calcium acetate (phosphate binder) CAPS .....	46	carbidopa-levodopa TBDP .....	28	cefpodoxime proxetil TABS .....	34
calcium acetate (phosphate binder) TABS .....	46	carbidopa-levodopa-entacapone ..	28	cefprozil SUSR .....	34
		carbinoxamine maleate SOLN ....	18	cefprozil TABS .....	34
		carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM .....	34
		carboplatin SOLN 50 MG/5ML ....	23	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG .....	34
		carisoprodol TABS .....	56	ceftriaxone sodium IJ 250 MG ....	34
		carmustine .....	23	cefuroxime axetil TABS .....	34

cefuroxime sodium IJ 750 MG .....34	cholestyramine light PACK ..... 19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG ..... 13
celecoxib .....3	cholestyramine light POWD .....19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG ..... 13
CELONTIN (methsuximide) ..... 13	cholestyramine PACK .....19	clarithromycin SUSR .....50
cephalexin CAPS ..... 34	cholestyramine POWD .....19	clarithromycin TABS ..... 50
cephalexin SUSR ..... 34	choline fenofibrate .....19	clarithromycin TB24 .....50
CERDELGA ..... 48	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44	CLASSIC PRENATAL TABS ..... 55
CEREZYME 400 UNIT ..... 48	ciclopirox GEL .....38	clemastine fumarate SYRP ..... 18
cetirizine hcl TABS ..... 18	ciclopirox olamine CREA .....38	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18
cevimeline hcl ..... 55	ciclopirox olamine SUSP .....38	CLIMARA PRO .....45
CHEMET ..... 17	ciclopirox SHAM ..... 38	clindamycin hcl .....22
CHEMSTRIP-K STRP ..... 42	ciclopirox SOLN .....38	clindamycin palmitate hydrochloride . 22
chloramphenicol sodium succinate 21	cidofovir .....31	clindamycin phosphate (topical) FOAM ..... 37
chlordiazepoxide hcl CAPS ..... 8	cilostazol ..... 47	clindamycin phosphate (topical) GEL 37
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide .....62	CIMDUO .....30	clindamycin phosphate (topical) LOTN .....37
chlordiazepoxide-amitriptyline .....60	cimetidine TABS ..... 62	clindamycin phosphate (topical) SOLN .....37
chlorhexidine gluconate (mouth- throat) .....55	cinacalcet hcl .....44	clindamycin phosphate (topical) SWAB .....37
chloroquine phosphate TABS 250 MG ..... 22	CIPRO SUSR .....46	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML ..... 22
chloroquine phosphate TABS 500 MG ..... 22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN .... 57	clindamycin phosphate vaginal CREA .....66
chlorpromazine hcl SOLN ..... 29	ciprofloxacin hcl (otic) ..... 58	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....37
chlorpromazine hcl TABS .....29	ciprofloxacin hcl TABS .....45	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % ..... 37
chlorthalidone 25 MG, 50 MG ..... 43	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML ..... 45	
chlorzoxazone TABS 500 MG ..... 56	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML .....45	
CHOLBAM .....46	ciprofloxacin-dexamethasone .....58	
cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT .....67	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 58	
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....67	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...23	
	citalopram hydrobromide SOLN ... 13	
	citalopram hydrobromide TABS 10 MG ..... 13	

clindamycin phosphate-tretinoin .. 37	clotrimazole w/ betamethasone CREA .....38	SOAJ .....39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56	clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....38	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 56	clozapine TABS .....29	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .39
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 57	clozapine TBDP 100 MG ..... 29	COSENTYX UNOREADY SOAJ .. 39
clobazam SUSP .....11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29	CREON CPEP ..... 42
clobazam TABS .....11	clozapine TBDP 25 MG .....29	CRESEMBA CAPS 186 MG ..... 18
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40	COARTEM ..... 22	cromolyn sodium (ophth) .....58
clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....40	codeine sulfate TABS 30 MG ..... 5	cromolyn sodium NEBU .....9
clobetasol propionate FOAM ..... 40	CODEINE SULFATE TABS ..... 5	crotamiton LOTN ..... 42
clobetasol propionate GEL 0.05 % 40	colchicine TABS ..... 47	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT ..... 55
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40	colchicine w/ probenecid ..... 47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML ..... 48
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40	colesevelam hcl PACK .....19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG ..... 56
clocortolone pivalate ..... 40	colesevelam hcl TABS ..... 19	cyclophosphamide CAPS .....23
clofarabine .....23	colestipol hcl GRAN .....19	cyclophosphamide SOLR IJ ..... 23
clomipramine hcl ..... 14	colestipol hcl PACK ..... 19	cycloserine ..... 23
clonazepam TABS ..... 11	colestipol hcl TABS ..... 19	cyclosporine (ophth) EMUL .....57
clonidine .....20	COMETRIQ KIT .....26	cyclosporine CAPS ..... 54
clonidine hcl (adhd) TB12 ..... 1	COMIRNATY 2023-24 SUSP ..... 64	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS ..... 54
clonidine hcl TABS .....20	COMIRNATY 2023-24 SUSY ..... 64	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN ..... 54
clopidogrel bisulfate 300 MG ..... 47	COMPLERA .....30	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .54
clopidogrel bisulfate 75 MG .....47	CONTRAVE ..... 1	CYLTEZO AJKT .....3
clorazepate dipotassium TABS ..... 8	COPIKTRA .....26	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML .....3
clotrimazole (topical) CREA .....38	CORDRAN TAPE .....40	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML ..... 3
clotrimazole (topical) SOLN .....38	CORLANOR SOLN ..... 34	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS
clotrimazole .....55	CORLANOR TABS ..... 34	
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...67	CORTISPORIN-TC .....58	
	COSENTYX SENSOREADY PEN	

AJKT .....	3	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG .....	14
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....	3	DELSTRIGO .....	30	dexamethasone ELIX .....	36
cyproheptadine hcl SYRP .....	19	demeclocycline hcl TABS .....	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....	36
cyproheptadine hcl TABS .....	19	DEPO-ESTRADIOL .....	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....	57
CYSTAGON CAPS .....	47	DEPO-MEDROL SUSP .....	36	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....	36
CYSTARAN .....	58	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....	35	dexamethasone SOLN .....	36
cytarabine SOLN .....	23	desipramine hcl TABS .....	14	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG .....	36
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG .....	11	desloratadine TABS .....	18	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	36
dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG .....	11	desloratadine TBDP 2.5 MG .....	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	
dacarbazine SOLR 200 MG .....	27	desmopressin acetate SOLN IJ ...	45	dexlansoprazole .....	63
dactinomycin .....	25	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....	45	dexmethylphenidate hcl CP24 .....	1
dalfampridine .....	60	desmopressin acetate spray .....	45	dexmethylphenidate hcl TABS .....	1
danazol CAPS .....	7	desmopressin acetate spray refrigerated .....	45	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....	1
dantrolene sodium CAPS .....	56	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45		dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....	1
dapsone .....	22	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45		dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG .....	1
DAPTACEL .....	62	desogestrel & ethinyl estradiol ...	34	dextrose in lactated ringers .....	53
daptomycin 500 MG .....	21	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....	35	DIACOMIT CAPS 250 MG .....	12
darifenacin hydrobromide .....	63	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....	35	DIACOMIT CAPS 500 MG .....	12
darunavir TABS 600 MG .....	30	desonide CREA .....	40	DIACOMIT PACK 250 MG .....	12
darunavir TABS 800 MG .....	30	desonide LOTN .....	40	DIACOMIT PACK 500 MG .....	12
DAURISMO .....	24	desonide OINT .....	40	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11
DEBACTEROL .....	55	desoximetasone CREA 0.25 % ...	40	diazepam CONC .....	8
decitabine .....	23	desoximetasone GEL .....	40	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML ...	8
deferasirox PACK .....	17	desoximetasone OINT 0.25 % ...	40		
deferasirox TABS .....	17	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14		
deferasirox TBSO .....	17				
deferiprone TABS 500 MG .....	17				
deflazacort TABS .....	36				

diazepam TABS .....	8	extended) .....	13	dipyridamole .....	47
diazoxide .....	15	DILANTIN .....	13	disopyramide phosphate CAPS .....	8
dichlorphenamide .....	43	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) .....	13	disulfiram .....	60
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	divalproex sodium TB24 .....	13
diclofenac potassium TABS 50 MG .3		diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	32	divalproex sodium TBEC .....	13
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....	39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG .....	32	docetaxel CONC 20 MG/ML .....	27
diclofenac sodium (ophth) .....	58	diltiazem hcl CP12 .....	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	27
diclofenac sodium (topical) GEL EX 38		diltiazem hcl CP24 .....	32	docusate calcium .....	49
diclofenac sodium TB24 .....	3	diltiazem hcl CP24 .....	32	docusate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac sodium TBEC .....	3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG .....	32	docusate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac w/ misoprostol TBEC ....	3	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	dofetilide .....	8
dicloxacillin sodium .....	59	DILTIAZEM HCL SOLR .....	32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	60
dicyclomine hcl CAPS .....	62	diltiazem hcl TABS .....	32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG .	60
dicyclomine hcl SOLN OR .....	62	diltiazem hcl TB24 .....	32	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	60
dicyclomine hcl TABS .....	62	dimethyl fumarate CDPK .....	60	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 60	
DIFFERIN LOTN .....	37	dimethyl fumarate CPDR .....	60	DOPTELET .....	48
DIFICID TABS .....	50	DIPENTUM .....	46	dorzolamide hcl .....	58
diflorasone diacetate CREA .....	40	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57
diflorasone diacetate OINT .....	40	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML .....	18	DOVATO .....	30
diflunisal TABS .....	4	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML .....	18	doxazosin mesylate .....	20
difluprednate .....	57	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML .....	18	doxepin hcl (antipruritic) .....	39
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ....	33	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxepin hcl (sleep) .....	49
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....	33	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxepin hcl CAPS .....	14
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML .....	52	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	62	doxepin hcl CONC .....	14
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML .....	52			doxercalciferol CAPS .....	44
DILANTIN (phenytoin sodium				doxercalciferol SOLN .....	44
				doxorubicin hcl liposomal .....	25

doxorubicin hcl SOLN .....	25	efavirenz CAPS 50 MG .....	30	fumarate 200 MG-300 MG .....	30
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG .....	25	efavirenz TABS .....	30	EMTRIVA SOLN .....	30
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG .....	61	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	30	EMVERM CHEW .....	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	61	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	30	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG .....	61	EGRIFTA 2 MG .....	44	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG .....	61	EGRIFTA SV .....	44	enalapril maleate TABS .....	20
doxycycline hyclate CAPS .....	61	ELAPRASE .....	44	ENBREL MINI SOCT .....	4
doxycycline hyclate SOLR .....	61	electrolyte-148 .....	53	ENBREL SOLN .....	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	62	electrolyte-a .....	53	ENBREL SOLR .....	4
doxylamine-pyridoxine TBEC .....	17	ELESTRIN GEL .....	45	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4
dronabinol CAPS .....	17	eletriptan hydrobromide .....	52	ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4
drospirenone-ethinyl estradiol .....	35	ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	25	ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4
drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium .....	35	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	25	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	64
DROXIA CAPS .....	48	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10	ENGERIX-B SUSY .....	64
DUAVEE .....	45	ELIQUIS TABS .....	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	11
DULERA .....	10	ELLA .....	35	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	11
duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	14	ELMIRON CAPS .....	47	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML .....	11
duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14	EMCYT .....	25	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	11
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	50	EMFLAZA SUSP .....	36	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	11
dutasteride .....	47	EMFLAZA TABS (deflazacort) ....	36	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	11
econazole nitrate CREA .....	38	EMGALITY SOAJ .....	52	ENSPRYNG .....	54
EDARBI .....	20	EMGALITY SOSY 100 MG/ML ....	52	entacapone .....	28
EDURANT .....	30	EMGALITY SOSY 120 MG/ML ....	52	entecavir TABS .....	31
efavirenz CAPS 200 MG .....	30	EMSAM .....	13	EPIDIOLEX .....	12
		emtricitabine CAPS .....	30		
		emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG .....	30		
		emtricitabine-tenofovir disoproxil			



epinastine hcl (ophth) .....	58	erythromycin base CPEP .....	50	etodolac CAPS .....	3
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	67	erythromycin base TABS .....	50	etodolac TABS .....	3
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	67	erythromycin base TBEC .....	50	etonogestrel-ethinyl estradiol .....	35
EPIVIR HBV SOLN .....	31	erythromycin ethylsuccinate SUSR 50		ETOPOPHOS .....	27
eplerenone .....	21	erythromycin ethylsuccinate TABS	50	etoposide CAPS .....	27
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	48	escitalopram oxalate SOLN .....	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML .....	28
epoprostenol sodium .....	33	escitalopram oxalate TABS 10 MG 14		etravirine 100 MG .....	30
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		etravirine 200 MG .....	30
EQUETRO 100 MG .....	29	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	14	EUCRISA .....	42
EQUETRO 200 MG .....	29	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG .....	63	EVAMIST SOLN .....	45
EQUETRO 300 MG .....	29	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG .....	63	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	54
ERAXIS .....	18	esomeprazole magnesium TBEC .	63	everolimus TABS .....	26
ERBITUX .....	24	esomeprazole magnesium TBEC .	63	EVOTAZ .....	30
ergocalciferol CAPS .....	67	estazolam .....	49	exemestane .....	25
ergocalciferol SOLN OR .....	67	estradiol GEL .....	45	ezetimibe .....	19
ergoloid mesylates TABS .....	61	estradiol PTTW .....	45	ezetimibe-simvastatin .....	19
ERGOMAR SUBL .....	52	estradiol PTWK .....	45	famciclovir 125 MG, 250 MG .....	31
ergotamine w/ caffeine TABS .....	52	estradiol TABS .....	45	famciclovir 500 MG .....	31
ERIVEDGE .....	24	estradiol vaginal CREA .....	67	famotidine in nacl SOLN .....	62
ERLEADA 240 MG .....	25	estradiol vaginal TABS .....	67	famotidine SOLN 20 MG/2ML .....	62
ERLEADA 60 MG .....	25	estradiol vaginal TABS .....	67	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML .....	62
erlotinib hcl .....	24	estradiol valerate .....	45	famotidine SUSR .....	62
ERTACZO .....	38	ESTROGEL GEL .....	45	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	62
ertapenem sodium IJ .....	21	eszopiclone .....	49	FANAPT .....	29
erythromycin (acne aid) PADS .....	37	ethacrynic acid .....	43	FANAPT TITRATION PACK .....	29
erythromycin (acne aid) SOLN .....	37	ethambutol hcl TABS .....	23	FANTASY LUBRICATED MISC ...	50
erythromycin (ophth) .....	57	ethosuximide CAPS .....	13	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
		ethosuximide SOLN .....	13		
		ethynodiol diacet & eth estrad	35		

FARXIGA .....	16	FIRDAPSE .....	23	fluconazole SUSR .....	18
FASENRA PEN SOAJ .....	8	FIRMAGON .....	25	fluconazole TABS .....	18
FASENRA SOSY .....	8	flavoxate hcl .....	63	flucytosine .....	18
FC2 FEMALE CONDOM .....	50	flecainide acetate .....	8	fludarabine phosphate SOLN .....	23
febuxostat .....	47	floxuridine .....	23	fludarabine phosphate SOLR .....	23
felbamate SUSP .....	12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022 .....	64	fludrocortisone acetate TABS .....	36
felbamate TABS 400 MG .....	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023 .....	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY .....	65
felbamate TABS 600 MG .....	12	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 .....	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	65
felodipine .....	32	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY .....	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65
FEMCAP DEVI .....	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	64	FLUMIST QUADRIVALENT .....	65
FEMRING .....	67	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	64	flunisolide (nasal) 0.025 % .....	56
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG .....	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022 .....	64	flucinolone acetonide (otic) .....	58
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG .....	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023 .....	64	flucinolone acetonide CREA 0.01 % 40 .....	40
fenoprofen calcium TABS .....	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024 .....	65	flucinolone acetonide CREA 0.025 % .....	40
FENSOLVI SC .....	44	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP .....	65	flucinolone acetonide OIL .....	40
fentanyl citrate LPOP .....	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY .....	65	flucinolone acetonide OINT .....	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR .....	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	65	flucinolone acetonide SOLN .....	40
ferrous fumarate-folic acid .....	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	65	fluocinonide CREA 0.05 % .....	40
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	65	fluocinonide emulsified base .....	40
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG .....	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	65	fluocinonide GEL .....	40
ferrous sulfate TBEC 325 MG .....	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	65	fluocinonide OINT .....	40
fesoterodine fumarate .....	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65	fluocinonide SOLN .....	40
FETZIMA CP24 .....	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65	fluorometholone (ophth) SUSP .....	57
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14 .....	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65	fluorouracil (topical) CREA 5 % .....	39
finasteride .....	47	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65	fluorouracil (topical) SOLN .....	39
fingolimod hcl .....	60	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65	fluorouracil 500 MG/10ML .....	23
				fluoxetine hcl CAPS 10 MG .....	14

fluoxetine hcl CAPS 20 MG .....14	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	formoterol fumarate NEBU .....10
fluoxetine hcl CAPS 40 MG .....14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant)) ..... 43
fluoxetine hcl CPDR .....14	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	FOSAMAX PLUS D ..... 43
fluoxetine hcl SOLN .....14	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG .....14	fosamprenavir calcium TABS .....30
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022 ..... 65	fosfomycin tromethamine ..... 22
fluoxetine hcl TABS 20 MG ..... 14	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023 ..... 65	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide ..... 20
fluphenazine hcl CONC .....29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024 ..... 65	fosinopril sodium ..... 20
fluphenazine hcl ELIX .....29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP ..... 65	fosphenytoin sodium ..... 13
fluphenazine hcl SOLN ..... 29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY ..... 65	FRAGMIN SOSY .....11
fluphenazine hcl TABS .....29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP ..... 65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....51
flurandrenolide CREA .....40	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY ..... 65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM .....51
flurandrenolide LOTN .....40	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP ..... 65	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....51
flurazepam hcl .....49	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY ..... 65	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....51
flurbiprofen sodium .....58	FML FORTE SUSP ..... 57	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....51
flurbiprofen TABS ..... 3	FML OINT .....57	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....51
flutamide .....25	folic acid TABS .....48	FREESTYLE LIBRE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM ..... 51
fluticasone furoate-vilanterol ..... 10	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	FROVATRIPTAN SUCCINATE ..... 52
fluticasone propionate (inhalation) AEPB .....9	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML ..... 11	FULVESTRANT SOSY ..... 25
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 56	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS .....42	FUROSEMIDE SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML .....43
fluticasone propionate CREA 0.05 % 40	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..42	
fluticasone propionate hfa .....9		
fluticasone propionate LOTN ..... 40		
fluticasone propionate OINT .....41		
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT .....10		
fluticasone-salmeterol AERO ..... 10		

furosemide TABS .....	43	GARDASIL 9 SUSP .....	65	glucagon (rdna) .....	15
FUZEON SOLR .....	30	GARDASIL 9 SUSY .....	65	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....	16
FYCOMPA TABS 2 MG .....	11	gatifloxacin (ophth) .....	57	glyburide TABS .....	16
FYCOMPA TABS 4 MG .....	11	gefitinib .....	24	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....	15
FYCOMPA TABS 6 MG .....	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	24	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....	15
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	11	gemfibrozil TABS .....	19	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	47
gabapentin CAPS .....	12	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....	62
gabapentin SOLN .....	12	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycopyrrolate TABS 1 MG .....	62
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate TABS 2 MG .....	62
GALAFOLD .....	44	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	38	GLYXAMBI .....	15
galantamine hydrobromide CP24 ..	60	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38	GNP PRENATAL TABS .....	55
galantamine hydrobromide SOLN ..	60	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....	42
galantamine hydrobromide TABS ..	60	GENVOYA .....	30	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 59		GILOTRIF .....	24	granisetron hcl TABS .....	17
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	59	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 60		GRASTEK SUBL .....	2
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML .....	58	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 60		griseofulvin microsize SUSP .....	18
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR .....	59	GLEOSTINE 10 MG .....	23	griseofulvin microsize TABS .....	18
GAMMAKED 1 GM/10ML .....	59	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....	23	griseofulvin ultramicrosize .....	18
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	59	glimepiride 1 MG, 2 MG .....	16	guanfacine hcl (adhd) .....	1
GAMUNEX-C 1 GM/10ML .....	59	glimepiride 4 MG .....	16	guanfacine hcl .....	20
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML .....	59	glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....	16	GYNAZOLE-1 .....	67
ganciclovir sodium SOLR .....	31	glipizide TB24 .....	16	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ ....	3
ganirelix acetate .....	44	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....	15	HADLIMA SOSY .....	3
		glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....	15	HAEGARDA SOLR SC .....	47
		GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....	42	HALAVEN .....	28
				halcinonide CREA .....	41
				halobetasol propionate CREA .....	41

halobetasol propionate OINT .....41	hydralazine hcl SOLN .....21	hydrocortisone TABS ..... 36
HALOG OINT .....41	hydralazine hcl TABS .....21	hydrocortisone valerate CREA .... 41
haloperidol decanoate .....29	hydrochlorothiazide CAPS .....43	hydrocortisone valerate OINT ..... 41
haloperidol lactate CONC .....29	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 43	hydrocortisone w/acetic acid .....58
haloperidol lactate SOLN .....29	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG .....43	hydromorphone hcl LIQD ..... 5
haloperidol TABS .....29	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .36	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5
HAVRIX .....66	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML ..... 6	hydromorphone hcl TABS .....5
HEMANGEOL SOLN OR .....32	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG .....6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML ..... 11	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....6	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG .....5
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG .....6	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22
HEPLISAV-B SOSY .....66	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG .....6	hydroxyurea .....27
HIBERIX SOLR IJ .....63	hydrocortisone (intrarectal) .....7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ... 8
HUMATROPE CART IJ .....44	hydrocortisone (rectal) EX .....7	hydroxyzine hcl SYRP ..... 8
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT .3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % .....41	hydroxyzine hcl TABS .....8
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41	hydroxyzine pamoate CAPS ..... 8
HUMIRA PEN PNKT .....3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % .....41	HYPERSAL NEBU .....36
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT .....3	hydrocortisone acetate (rectal) .....7	HYQVIA ..... 59
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT .....3	hydrocortisone butyrate CREA .... 41	ibandronate sodium SOLN ..... 43
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT .....3	hydrocortisone butyrate OINT ..... 41	ibandronate sodium TABS .....44
HUMIRA PSKT .....3	hydrocortisone butyrate SOLN ....41	IBRANCE CAPS .....26
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC .... 16		IBRANCE TABS ..... 26
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC .....16		ibuprofen SUSP 100 MG/5ML ..... 3
HYCAMTIN CAPS .....28		ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ...3
		ibuprofen TABS 800 MG .....3
		icatibant acetate SOLN ..... 47
		icatibant acetate SOSY ..... 47
		ICLUSIG .....26

icosapent ethyl 1 GM .....	19	16	ISOLYTE-S .....	53	
idarubicin hcl 20 MG/20ML .....	25	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN .....	16	isoniazid SOLN .....	23
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	25	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP .....	16	isoniazid SYRP .....	23
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....	23	INSULIN ASPART SOLN IJ .....	16	isoniazid TABS .....	23
ifosfamide SOLR .....	23	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN .....	16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	8
imatinib mesylate .....	26	INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33	
IMBRUVICA CAPS 140 MG .....	26	INTELENCE 25 MG .....	30	isosorbide mononitrate TABS .....	8
IMBRUVICA CAPS 70 MG .....	26	INTRAROSA .....	66	isosorbide mononitrate TB24 .....	8
IMBRUVICA SUSP .....	26	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	27	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	37
IMBRUVICA TABS .....	26	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	53	isradipine CAPS .....	32
imipenem-cilastatin IV .....	21	IOPIDINE .....	57	itraconazole CAPS .....	18
imipramine hcl TABS .....	14	IPOL INACTIVATED IPV .....	66	itraconazole SOLN .....	18
imipramine pamoate .....	14	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56		ivermectin (pediculicide) .....	42
imiquimod 5 % .....	41	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 56		ivermectin .....	7
IMPAVIDO .....	21	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	IXEMPRA KIT 15 MG .....	28
INCRELEX .....	44	ipratropium-albuterol SOLN .....	10	JAKAFI .....	26
INCRUSE ELLIPTA .....	9	irbesartan .....	20	JANUMET TABS .....	15
indapamide TABS 1.25 MG .....	43	irbesartan-hydrochlorothiazide ..	20	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	15
indapamide TABS 2.5 MG .....	43	IRESSA (gefitinib) .....	24	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	15
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML .....	28	JANUVIA .....	16
indomethacin CPCR .....	4	irrigation solutions, physiological	54	JARDIANCE .....	16
INFANRIX .....	62	ISENTRESS CHEW .....	30	JEVTANA .....	28
INFLECTRA SOLR .....	46	ISENTRESS HD TABS .....	30	JULUCA .....	30
INGREZZA CAPS .....	60	ISENTRESS TABS .....	30	KALYDECO TABS .....	61
INGREZZA CPPK .....	60	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	53	KAMELEON LUBRICATED MISC	50
INLYTA .....	24			KANJINTI .....	24
INREBIC .....	26			KCL 0.3%/D5W/NAACL 0.9%	
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16				
INSULIN ASPART PENFILL SOCT					

(potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....	53	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC .....	50	lactulose (encephalopathy) .....	46
KEPIVANCE 6.25 MG .....	27	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		lactulose SOLN .....	49
KESIMPTA .....	60	KIMONO SPECIAL DEVI .....	50	lamivudine (hbv) TABS .....	31
ketoconazole (topical) CREA .....	38	KINRIX SUSY .....	62	lamivudine SOLN .....	30
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .....	38	KISQALI .....	26	lamivudine TABS 150 MG .....	30
ketoconazole .....	18	KISQALI FEMARA 200 DOSE .....	26	lamivudine TABS 300 MG .....	30
KETONE STRP .....	42	KISQALI FEMARA 400 DOSE .....	26	lamivudine-zidovudine .....	30
KETONE TEST STRIPS STRP .....	42	KISQALI FEMARA 600 DOSE .....	26	lamotrigine CHEW 25 MG .....	12
ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG .....	4	KLARITY-A .....	57	lamotrigine CHEW 5 MG .....	12
ketorolac tromethamine (ophth) .....	58	KLOXXADO LIQD .....	17	lamotrigine TABS .....	12
ketorolac tromethamine TABS .....	4	KOSELUGO .....	26	lamotrigine TBDP .....	12
KETOSTIX STRP .....	42	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	55	LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....	33
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % .....	58	KRINTAFEL .....	22	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) .....	33
KEVZARA SOAJ .....	3	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI .....	50	lansoprazole CPDR 15 MG .....	63
KEVZARA SOSY .....	3	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI .....	50	lansoprazole CPDR 30 MG .....	63
KIMONO COLORS DEVI .....	50	KYPROLIS .....	26	lanthanum carbonate CHEW .....	46
KIMONO LUBRICATED MISC .....	50	labetalol hcl SOLN .....	32	lapatinib ditosylate .....	26
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC .....	50	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .....	32	LASTACRAFT .....	58
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		labetalol hcl TABS 300 MG .....	32	latanoprost SOLN .....	58
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	lacosamide SOLN OR 10 MG/ML .....	12	leflunomide .....	4
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lacosamide TABS .....	12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG .....	54
KIMONO PS LUBRICATED MISC .....	50	lactated ringer's (irrigation) .....	54	lenalidomide 20 MG .....	54
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lactated ringer's .....	53	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE .....	24
		lactic acid (ammonium lactate) CREA .....	41	LENVIMA 12MG DAILY DOSE .....	24
		lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % .....	41	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE .....	24
				LENVIMA 18 MG DAILY DOSE .....	24
				LENVIMA 20 MG DAILY DOSE .....	24
				LENVIMA 24 MG DAILY DOSE .....	24
				LENVIMA 4 MG DAILY DOSE .....	24

LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin TABS 500 MG	46	lisinopril & hydrochlorothiazide	20
letrozole	25	levonorgestrel & eth estradiol TABS 35		lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20
leucovorin calcium SOLR	27	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lithium	28
leucovorin calcium TABS	27	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	35	LITHIUM	28
LEUKERAN	23	levonorgestrel-eth estradiol (continuous)	35	lithium carbonate CAPS	28
LEUKINE SOLR IJ	48	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	35	lithium carbonate TABS	28
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	35	lithium carbonate TBCR	28
levabuterol hcl	10	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35		LO LOESTRIN FE TABS	35
levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	LOKELMA	54
levabuterol tartrate	10	levothyroxine sodium TABS	62	loperamide hcl CAPS	17
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	LEXIVA SUSP	30	lopinavir-ritonavir SOLN	30
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	49	lopinavir-ritonavir TABS	30
LEVEMIR SOLN	16	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	54	loratadine CAPS	18
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	55	loratadine CHEW	18
levetiracetam TABS 1000 MG	12	lidocaine hcl GEL 2 %	41	loratadine SOLN	18
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12	lidocaine hcl PRSY	41	loratadine TABS	18
levetiracetam TABS 500 MG	12	lidocaine hcl SOLN	41	loratadine TBDP	18
levetiracetam TB24	12	lidocaine PTCH 5 %	41	lorazepam CONC	8
levobunolol hcl 0.5 %	57	lidocaine-prilocaine CREA	41	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lincomycin hcl	22	lorazepam TABS 1 MG	8
levocetirizine dihydrochloride TABS 18		linezolid SUSR	22	LORBRENA	26
levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	linezolid TABS	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	46	LINZESS	46	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	20
levofloxacin SOLN OR	46	liothyronine sodium SOLN	62	losartan potassium	20
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	46	liothyronine sodium TABS	62	LOTEMAX OINT	57
		lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		loteprednol etabonate GEL	57
				loteprednol etabonate SUSP	58



lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MAXIDEX SUSP OP .....	58	MENVEO SOLR .....	64
lovastatin TABS 40 MG .....	19	MAXX LUBRICATED MISC .....	50	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5
loxapine succinate .....	29	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5
lubiprostone .....	46	meclizine hcl TABS 12.5 MG .....	17	meperidine hcl TABS 50 MG .....	5
LUCEMYRA .....	60	meclizine hcl TABS 25 MG .....	17	meprobamate .....	8
luliconazole .....	38	meclofenamate sodium CAPS .....	4	mercaptopurine TABS .....	24
LUMIZYME .....	44	MEDROL TABS .....	36	meropenem .....	21
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM .....	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM .....	35	mesalamine CP24 .....	46
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM .....	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM .....	35	mesalamine CPDR .....	46
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate 10 MG .....	59	mesalamine ENEM .....	46
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG .....	59	mesalamine SUPP .....	46
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44		medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG .....	59	mesalamine TBEC 1.2 GM .....	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG .....	44	mefenamic acid CAPS .....	4	mesalamine TBEC 800 MG .....	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG .....	44	mefloquine hcl .....	22	metaxalone 800 MG .....	56
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG .....	29	megestrol acetate (appetite) .....	59	metformin hcl TABS 1000 MG .....	15
lurasidone hcl 80 MG .....	29	megestrol acetate SUSP .....	25	metformin hcl TABS 500 MG .....	15
LYNPARZA TABS .....	26	megestrol acetate TABS .....	25	metformin hcl TABS 850 MG .....	15
LYSODREN .....	25	MEKINIST TABS 0.5 MG .....	26	metformin hcl TB24 500 MG .....	15
mafenide acetate PACK .....	39	MEKINIST TABS 2 MG .....	26	metformin hcl TB24 750 MG .....	15
magnesium sulfate IJ 50 % .....	53	MEKTOVI .....	26	methadone hcl CONC .....	5
malathion .....	42	meloxicam TABS .....	4	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .	5
maraviroc TABS 150 MG .....	30	melphalan .....	23	METHADONE HCL SOLN IJ .....	5
maraviroc TABS 300 MG .....	30	melphalan hcl .....	23	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML .....	5
MARPLAN .....	13	memantine hcl TABS .....	60	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5	
MASONATAL TABS .....	55	MENACTRA .....	64	methadone hcl TABS 10 MG .....	5
MATULANE .....	27	MENEST .....	45	methadone hcl TABS 5 MG .....	5
		MENOSTAR PTWK .....	45	methadone hcl TBSO .....	5
		MENQUADFI .....	64		

methamphetamine hcl .....	1	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG .....	2	mexiletine hcl .....	8
methazolamide TABS .....	43	methylphenidate PTCH .....	2	micafungin sodium .....	18
methenamine hippurate .....	22	methylprednisolone acetate SUSP 36		miconazole nitrate vaginal SUPP 200	
methimazole TABS .....	62	MG .....		MG .....	67
METHITEST TABS .....	7	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	36	midodrine hcl .....	67
methocarbamol TABS 500 MG, 750		MG .....	36	miglitol .....	15
MG .....	56	methylprednisolone TABS .....	36	miglustat .....	48
METHOTREXATE .....	2	methylprednisolone TBPK .....	36	minocycline hcl CAPS .....	62
methotrexate sodium SOLN 50		metoclopramide hcl SOLN IJ 5		minocycline hcl TABS .....	62
MG/2ML, 250 MG/10ML .....	24	MG/ML .....	46	minoxidil 2.5 MG, 10 MG .....	21
methotrexate sodium SOLR .....	24	metoclopramide hcl SOLN OR 5		MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50	
methotrexate sodium TABS 2.5 MG		MG/5ML, 10 MG/10ML .....	46	MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100	
24		metoclopramide hcl TABS .....	46	MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200	
methoxsalen rapid .....	39	metolazone .....	43	MCG/0.3ML .....	48
methscopolamine bromide .....	62	metoprolol & hydrochlorothiazide		mirtazapine TABS 15 MG .....	13
methsuximide .....	13	TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100		mirtazapine TABS 30 MG .....	13
methylidopa TABS .....	20	MG .....	21	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40		metoprolol & hydrochlorothiazide		mirtazapine TBDP 15 MG .....	13
MG .....	2	TABS 25 MG-50 MG .....	20	mirtazapine TBDP 30 MG .....	13
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	1	metoprolol succinate TB24 200 MG		mirtazapine TBDP 45 MG .....	13
methylphenidate hcl CP24 .....	2	32		misoprostol .....	63
methylphenidate hcl CPR .....	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	32	mitomycin SOLR IV 20 MG .....	25
methylphenidate hcl SOLN .....	2	MG/5ML .....	32	mitoxantrone hcl 2 MG/ML .....	25
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG .....	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5		M-M-R II SOLR .....	66
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2	MG/5ML .....	32	M-NATAL PLUS TABS .....	55
methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50		modafinil 100 MG .....	2
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54		MG, 100 MG .....	32	modafinil 200 MG .....	2
MG .....	2	metronidazole (topical) CREA .....	42	MODERNA COVID-19 VACCINE	
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG .....	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 %		SUSP .....	66
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG .....	2	42		MODERNA COVID-19	
		metronidazole (topical) GEL 1 % ..	42	VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	
		metronidazole (topical) LOTN .....	42	66	
		metronidazole TABS .....	21		
		metronidazole vaginal .....	67		

MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP .....	66	mupirocin OINT .....	38	nebivolol hcl 20 MG .....	32
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....	66	MVASI .....	24	NEBUSAL NEBU .....	36
moexipril hcl .....	20	MYALEPT .....	45	nefazodone hcl .....	14
mometasone furoate (nasal) SUSP 56		mycophenolate mofetil CAPS .....	54	nelarabine .....	24
mometasone furoate CREA .....	41	mycophenolate mofetil TABS .....	54	neomycin sulfate TABS .....	2
mometasone furoate OINT .....	41	mycophenolate sodium .....	54	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 57	
mometasone furoate SOLN .....	41	MYLERAN TABS .....	23	neomycin-polymy-dexameth OINT 58	
montelukast sodium CHEW .....	9	nabumetone .....	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP 58	
montelukast sodium PACK .....	9	nadolol TABS 20 MG .....	32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...58	
montelukast sodium TABS .....	9	nadolol TABS 40 MG .....	32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 58	
morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5		nadolol TABS 80 MG .....	32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 58	
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....	5	naftifine sodium IV 10 GM .....	59	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .....	55
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML .....	5	naftifine hcl CREA 1 % .....	38	NEONATAL PLUS TABS .....	55
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML .....	5	naftifine hcl CREA 2 % .....	38	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS .....	55
morphine sulfate TABS .....	5	NAGLAZYME .....	45	NEONATAL VITAMIN TABS .....	55
morphine sulfate TBCR .....	5	nalbuphine hcl .....	7	neostigmine methylsulfate SOSY .23	
MOTOFEN .....	17	naloxone hcl LIQD .....	17	NEO-SYNALAR .....	38
MOVANTIK .....	46	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML .....	17	NEUPRO .....	28
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 57		naltrexone hcl .....	17	NEVANAC .....	58
moxifloxacin hcl in sodium chloride 46		naproxen sodium TABS 550 MG ...4		nevirapine SUSP .....	30
moxifloxacin hcl TABS .....	46	naproxen SUSP .....	4	nevirapine TABS .....	30
MOZOBIL (plerixafor) .....	48	naproxen TABS .....	4	nevirapine TB24 100 MG .....	30
MULPLETA .....	48	naproxen TBEC 500 MG .....	4	nevirapine TB24 400 MG .....	30
MULTI PRENATAL TABS .....	55	naratriptan hcl .....	52	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium) .....	63
		NATACYN .....	57		
		NATAZIA .....	35		
		nateglinide .....	16		
		NAYZILAM .....	11		
		nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32			

NEXTSTELLIS .....	35	nitrofurantoin .....	22	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe .....	35
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	NITRO-BID OINT .....	8	norethindrone-eth estradiol (triphasic) .....	35
niacin CPCR 250 MG, 500 MG ....	67	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG .....	22	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) .....	35
niacin TABS .....	67	nitrofurantoin monohyd macro ....	22	norgestimate-ethinyl estradiol ....	35
niacin TBCR .....	67	nitroglycerin (intra-anal) .....	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG .....	35
NIACIN TR TBCR .....	67	nitroglycerin CPCR .....	8	NORMOSOL-M/D5W .....	53
niacinamide TABS 100 MG .....	67	nitroglycerin PT24 .....	8	NORMOSOL-R .....	53
niacinamide TABS 500 MG .....	67	NITROGLYCERIN SOLN IV .....	8	nortriptyline hcl CAPS .....	15
nicardipine hcl CAPS .....	32	nitroglycerin SUBL .....	8	nortriptyline hcl SOLN .....	15
nicardipine hcl SOLN .....	32	NIVA-PLUS TABS .....	55	NORVIR PACK .....	30
nicotine MISC XX .....	61	nizatidine CAPS .....	63	NORVIR SOLN .....	30
nicotine polacrilex GUM .....	61	nizatidine SOLN .....	63	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS .....	42
nicotine polacrilex LOZG .....	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML .....	44	NOVAREL IM 10000 UNIT .....	44
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR .....	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML .....	44	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT .....	61	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVOLIN 70/30 SUSP .....	16
NICOTROL INHALER INHA .....	61	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	16
NICOTROL NS SOLN .....	61	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVOLIN N SUSP .....	16
nifedipine CAPS 10 MG .....	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG .....	35	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nifedipine CAPS 20 MG .....	33	norethindrone & eth estradiol .....	35	NOVOLIN R SOLN IJ .....	16
nifedipine TB24 60 MG .....	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nifedipine TB24 90 MG .....	33	norethindrone (contraceptive) .....	35	NP THYROID 120 TABS .....	62
nifedipine TB24 .....	33	norethindrone acet & eth estra ...	35	NP THYROID 15 TABS .....	62
nilutamide .....	25	norethindrone acetate TABS .....	59	NP THYROID 30 TABS .....	62
nimodipine CAPS .....	33	norethindrone acetate-ethinyl estradiol .....	45	NP THYROID 60 TABS .....	62
NINLARO .....	26			NP THYROID 90 TABS .....	62
NIPENT .....	27			NUBEQA .....	25
nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG .....	33			NUCALA SOAJ .....	8
nitazoxanide TABS .....	21				

NUCALA SOLR .....	8	hydrochlorothiazide .....	21	ORLISSA .....	44
NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	8	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	21	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG .....	61
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	9	olopatadine hcl (nasal) .....	56	ORKAMBI TABS .....	61
NUCYNTA ER TB12 .....	5	olopatadine hcl 0.1 % .....	58	ORLADEYO .....	47
NUCYNTA TABS .....	5	olopatadine hcl 0.2 % .....	58	orphenadrine citrate TB12 .....	56
NUEDEXTA .....	61	omega-3-acid ethyl esters .....	19	oseltamivir phosphate CAPS .....	31
NULOJIX .....	54	omeprazole CPDR .....	63	oseltamivir phosphate SUSR .....	32
nystatin (mouth-throat) .....	55	omeprazole magnesium CPDR ...	63	OSMOPREP .....	49
nystatin (topical) CREA .....	38	omeprazole TBEC .....	63	OSPHENA .....	44
nystatin (topical) OINT .....	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	63	OTEZLA TABS .....	4
nystatin (topical) POWD EX .....	38	OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	50	OTEZLA TBPK .....	4
nystatin TABS .....	18	ONCASPAR .....	27	oxacillin sodium IV 10 GM .....	59
nystatin-triamcinolone CREA .....	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML .....	23
nystatin-triamcinolone OINT .....	38	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	17	oxandrolone .....	7
octreotide acetate SOLN .....	45	ondansetron hcl SOSY .....	17	oxaprozin TABS .....	4
ODEFSEY .....	30	ondansetron hcl TABS 24 MG .....	17	oxazepam CAPS .....	8
ODOMZO .....	24	ondansetron hcl TABS 4 MG .....	17	OXBRYTA TABS 500 MG .....	48
OFEV .....	61	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	17	oxcarbazepine SUSP .....	12
ofloxacin (ophth) .....	57	ondansetron TBDP 4 MG .....	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	12
ofloxacin (otic) .....	58	ondansetron TBDP 8 MG .....	17	oxcarbazepine TABS 600 MG .....	12
ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	46	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55	oxiconazole nitrate CREA .....	38
OGIVRI .....	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	55	OXISTAT LOTN .....	38
olanzapine SOLR .....	29	OPILL .....	35	oxybutynin chloride SOLN .....	63
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	OPSUMIT .....	33	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	63
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	29	OPVEE NA .....	17	oxybutynin chloride TB24 .....	63
olanzapine TBDP 20 MG .....	29	ORENITRAM TBCR .....	33	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	5
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	29			oxycodone hcl TABS .....	5
olmesartan medoxomil .....	20				
olmesartan medoxomil-amlodipine-					

oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	6	paroxetine hcl TABS 10 MG .....	14	PENICILLIN G PROCAINE .....	59
oxymorphone hcl TABS .....	5	paroxetine hcl TABS 20 MG .....	14	penicillin g sodium .....	59
oxymorphone hcl TB12 40 MG .....	5	paroxetine hcl TABS 30 MG .....	14	penicillin v potassium SOLR .....	59
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5		paroxetine hcl TABS 40 MG .....	14	penicillin v potassium TABS .....	59
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	16	paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....	14	PENTACEL .....	62
OZEMPIC SOPN .....	16	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....	14	pentazocine w/ naloxone hcl .....	7
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....	28	PASER PACK .....	23	pentoxifylline .....	47
paclitaxel protein-bound particles ..	28	pazopanib hcl .....	26	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	20
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..	29	PEDIARIX SUSY .....	62	perindopril erbumine 4 MG .....	20
paliperidone 6 MG .....	29	pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	55	PERJETA .....	24
palonosetron hcl SOLN .....	17	PEDVAX HIB SUSP .....	64	permethrin CREA .....	42
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....	44	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....	49	permethrin LIQD EX .....	42
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44		peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....	49	perphenazine TABS .....	29
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT .....	42	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....	49	perphenazine-amitriptyline .....	60
PANRETIN .....	39	PEGASYS SOLN .....	31	PERSERIS PRSY .....	29
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 63		PEGASYS SOSY .....	31	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP .....	66
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 63		PEMAZYRE .....	26	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP .....	66
paricalcitol CAPS .....	45	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 66	
paricalcitol SOLN .....	45	penciclovir .....	39	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....	66
paroxetine hcl SUSP .....	14	penicillamine CAPS .....	54	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP .....	66
		penicillamine TABS .....	54	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66
		penicillin g potassium 5000000 UNIT 59		PHEBURANE PLLT .....	45
		PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....	59	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG .....	47
				phendimetrazine tartrate TABS .....	1

phenelzine sulfate	13	pirfenidone TABS 534 MG	61	0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	53
phenobarbital ELIX	49	piroxicam CAPS	4	potassium chloride microencapsulated crystals er	54
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	49	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	53	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	54
phenoxybenzamine hcl	20	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	53	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 54	
phentermine hcl CAPS	1	PLEGRIDY SOPN	60	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	54
phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOSY SC	60	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ	54
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	60	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	53
phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	60	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	53
phenytoin SUSP	13	plerixafor	48	potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	47
PHEXXI	67	PNEUMOVAX 23	64	potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	53
PHOSLYRA SOLN	46	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	64	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	37
PHOTOFRIN	27	podofilox SOLN	41	pralatrexate 20 MG/ML	24
PIFELTRO	30	polymyxin b sulfate SOLR	22	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28
pilocarpine hcl (oral)	55	polymyxin b-trimethoprim	57	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %	57	POMALYST	25	prasugrel hcl	48
pimecrolimus	41	posaconazole SUSP	18	pravastatin sodium	19
pimozide	61	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	53	praziquantel	7
pindolol TABS	32	potassium bicarbonate TBEF	53	prazosin hcl CAPS	20
pioglitazone hcl	16	potassium chloride CPCR	54		
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	53		
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS	15	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	53		
piperacillin sodium-tazobactam sodium	59	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-			
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	26				
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	26				
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	26				
pirfenidone CAPS	61				

PRECISION XTRA .....	42	PREMPHASE .....	45	primaquine phosphate TABS .....	23
PRED MILD .....	58	PREMPRO .....	45	primidone 50 MG, 250 MG .....	12
prednicarbate OINT .....	41	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	55	PRIORIX SUSR .....	66
prednisolone acetate (ophth) .....	58	PRENATAL ONE DAILY TABS .....	55	probenecid .....	47
PREDNISOLONE SODIUM		PRENATAL PLUS TABS .....	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .	8
PHOSPHATE .....	58	PRENATAL PLUS VITAMIN		prochlorperazine .....	29
prednisolone sodium phosphate		ANDMINERAL TABS .....	55	prochlorperazine maleate TABS ..	29
SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10		PRENATAL TABS .....	56	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000	
MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML		PRENATAL VITAMIN & MINERAL		UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000	
36		TABS .....	55	UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	48
prednisolone sodium phosphate		PRENATAL VITAMIN TABS .....	55	PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	48
TBDP .....	36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	55	progesterone CAPS .....	59
prednisolone SOLN .....	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW		PROGRAF PACK .....	54
prednisolone TABS .....	36	IRON TABS .....	55	PROGRAF SOLN .....	54
prednisone SOLN .....	36	PRENATAL VITAMINS TABS 120		PROLASTIN-C SOLN .....	61
prednisone TABS 1 MG, 5 MG .....	36	MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8		PROLASTIN-C SOLR .....	61
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20		MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200		PROLEUKIN .....	27
MG, 50 MG .....	36	MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30		PROLIA SOSY .....	44
prednisone TBPk .....	36	UNIT .....	55	promethazine hcl SOLN 6.25	
pregabalin (once-daily) 330 MG .....	61	PRENATRIX TABS .....	56	MG/5ML .....	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165		PRENATRYL TABS .....	56	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25	
MG .....	61	PREPLUS TABS .....	56	MG .....	19
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG		PREVNAR 13 .....	64	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19
12		PREVNAR 20 .....	64	promethazine hcl SYRP .....	19
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75		PREZCOBIX .....	30	promethazine hcl TABS .....	19
MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZISTA SUSP .....	31	propafenone hcl CP12 .....	8
pregabalin SOLN .....	12	PREZISTA TABS (darunavir) .....	31	propafenone hcl TABS .....	8
PREHEVBRIO .....	66	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG,		proparacaine hcl .....	57
PREMARIN .....	67	600 MG .....	31	propranolol hcl CP24 .....	32
PREMARIN SOLR .....	45	PREZISTA TABS 800 MG		propranolol hcl SOLN OR 20	
PREMARIN TABS .....	45	(darunavir) .....	31	MG/5ML, 40 MG/5ML .....	32
PREMIUM CONDOMS		PRIFTIN .....	23		
LUBRICATED MISC .....	51				



propranolol hcl TABS .....	32	20 MG .....	21	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG .....	2
propylthiouracil .....	62	quinidine sulfate TABS .....	8	RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....	42
protriptyline hcl .....	15	quinine sulfate CAPS 324 MG .....	23	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP .....	42
PTS PANELS KETONE TEST .....	42	QVAR REDHALER .....	9	RENFLEXIS .....	46
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS .....	56	repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	16
PULMOZYME .....	61	RA PRENATAL TABS .....	56	repaglinide 2 MG .....	16
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	56	rabeprazole sodium TBEC .....	63	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	19
pyrazinamide .....	23	raloxifene hcl .....	44	REPATHA SOSY .....	19
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramelteon .....	49	REPATHA SURECLICK SOAJ .....	19
pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....	23	ramipril CAPS .....	20	RETACRIT .....	48
pyridostigmine bromide TBCR .....	23	ranitidine hcl TABS 150 MG .....	63	RETEVMO .....	27
pyrimethamine .....	23	ranolazine TB12 1000 MG .....	7	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	31
QC PRENATAL TABS .....	56	ranolazine TB12 500 MG .....	7	REXULTI .....	30
QINLOCK .....	27	rasagiline mesylate .....	28	ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	31
QUADRACEL SUSP .....	62	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	51	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31	
QUADRACEL SUSY .....	62	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....	51	RIDAURA .....	3
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG .....	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 51		rifabutin .....	23
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	29	REBIF REBIDOSE SOAJ .....	60	rifampin CAPS .....	23
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....	60	rifampin SOLR .....	23
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	29	REBIF SOSY .....	60	riluzole TABS .....	56
quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60	rimantadine hydrochloride TABS ..	32
quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	20	RECOMBIVAX HB SUSP .....	66	ringer's .....	53
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....	21	RECOMBIVAX HB SUSY .....	66	ringer's irrigation .....	54
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	7	RINVOQ .....	2
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-		REGRANEX .....	42	risedronate sodium TABS 150 MG	44
Index 27		RELENZA DISKHALER .....	32	risedronate sodium TABS 35 MG	44
		RELEXXII TBCR 27 MG .....	2	risedronate sodium TABS 5 MG, 30	

MG	44	RUXIENCE	24	SIGNIFOR	45
risedronate sodium TBEC	44	RYBELSUS TABS	16	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	29	salsalate	4	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	33
risperidone microspheres	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33
risperidone SOLN	29	SANTYL OINT	41	sildenafil citrate	33
risperidone TABS	29	sapropterin dihydrochloride PACK	45	silodosin	47
risperidone TBDP	29	sapropterin dihydrochloride TABS	45	silver sulfadiazine	39
ritonavir TABS	31	SAVELLA TABS	60	SIMPONI ARIA SOLN	3
rivastigmine tartrate CAPS	60	SAVELLA TITRATION PACK MISC 60		SIMULECT	54
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	52	saxagliptin hcl	16	simvastatin TABS	19
rizatriptan benzoate TABS 5 MG	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG	15	sirolimus TABS	54
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15	SIRTURO	23
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	52	scopolamine	17	SIVEXTRO TABS	22
roflumilast	9	SELECT INSULIN SYRINGES	52	SKYRIZI PEN SOAJ	39
romidepsin SOLR	27	SELECT LANCETS	51	SKYRIZI PSKT	39
ropinirole hydrochloride TABS	28	selegiline hcl CAPS	28	SKYRIZI SOCT	46
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	28	selegiline hcl TABS	28	SKYRIZI SOSY	39
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	28	selenium sulfide LOTN 2.5 %	39	SLYND	35
rosuvastatin calcium TABS	19	SELZENTRY SOLN	31	SM PRENATAL VITAMINS TABS	56
ROTARIX SUSP	66	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31		SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	53
ROTARIX SUSR	66	SEREVENT DISKUS	10	sodium acetate SOLN	53
ROTATEQ SOLN	66	sertraline hcl CONC	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	47
ROZLYTREK CAPS	27	sertraline hcl TABS 100 MG	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	36
RUBRACA	27	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14		sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	54
rufinamide SUSP	12	sevelamer carbonate PACK	46	sodium citrate & citric acid	47
rufinamide TABS 200 MG	12	sevelamer carbonate TABS	46	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5	
rufinamide TABS 400 MG	12	SHINGRIX	66		

MG, 1 MG, 2.2 MG .....	53	spinosad .....	42	sulconazole nitrate CREA .....	38
sodium phenylbutyrate POWD .....	45	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9	sulconazole nitrate SOLN .....	38
sodium phenylbutyrate TABS .....	45	SPIRIVA RESPIMAT AERS .....	9	sulfacetamide sodium (acne) .....	37
sodium polystyrene sulfonate POWD 54		spironolactone & hydrochlorothiazide .....	43	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 57	
sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML .....	54	spironolactone TABS .....	43	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 % .....	37
sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate .....	49	SPRAVATO 56MG DOSE .....	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 % .....	37
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS .....	31	SPRAVATO 84MG DOSE .....	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....	37
solifenacin succinate TABS .....	63	SPRYCEL .....	27	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 % .....	37
SOLQUA 100/33 .....	15	stannous fluoride CONC .....	55	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN .....	58
SOLOSEC .....	2	stavudine CAPS .....	31	sulfadiazine TABS .....	61
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG .....	36	STELARA 130 MG/26ML .....	46	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN .....	21
SOLU-CORTEF 250 MG .....	36	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP .....	21
SOLU-MEDROL 2 GM .....	36	STELARA SOSY 90 MG/ML .....	39	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS .....	21
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 44		STENDRA .....	33	SULFAMYLON CREA .....	39
sorafenib tosylate .....	27	STIMATE SOLN NA .....	45	sulfasalazine TABS .....	46
SORBITOL 3 % .....	47	STIVARGA .....	27	sulfasalazine TBEC .....	46
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION .....	47	streptomycin sulfate SOLR .....	2	sulindac TABS .....	4
sotalol hcl (afib/afI) .....	32	STRIBILD .....	31	sumatriptan .....	52
sotalol hcl TABS 240 MG .....	32	STRIVERDI RESPIMAT .....	10	sumatriptan succinate SOAJ .....	52
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG .....	32	SUBLOCADE SOSY 100 MG/0.5ML . 7		sumatriptan succinate SOCT .....	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....	66	SUBLOCADE SOSY 300 MG/1.5ML . 7		sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP .....	66	SUBSYS LIQD 100 MCG .....	6	sumatriptan succinate TABS .....	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY .....	66	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG ..	5	sumatriptan-naproxen sodium ....	52
		SUBSYS LIQD 800 MCG .....	6		
		sucralfate SUSP .....	63		
		sucralfate TABS .....	63		

sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....	27	TASIGNA 150 MG, 200 MG .....	27	TERIPARATIDE SOPN .....	44
SUNOSI 150 MG .....	1	TASIGNA 50 MG .....	27	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML .....	7
SUNOSI 75 MG .....	1	tavorole .....	38	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SYNAREL .....	44	tazarotene CREA .....	39	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
SYNERA PTCH .....	41	TAZVERIK .....	27	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP .....	62
SYNJARDY TABS .....	15	TDVAX SUSP .....	62	tetrabenazine .....	60
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	TEFLARO .....	34	tetracycline hcl CAPS .....	62
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		THALOMID .....	54
SYNRIBO .....	27	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX .....	10
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium) .....	62	TEGSEDI .....	61	theophylline SOLN .....	10
TABLOID .....	24	telmisartan .....	20	theophylline TB12 .....	10
TABRECTA .....	27	telmisartan-amlodipine .....	21	theophylline TB24 .....	10
tacrolimus (topical) OINT .....	41	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	21	THERANATAL CORE NUTRITION TABS .....	56
tacrolimus CAPS .....	54	temazepam 15 MG, 30 MG .....	49	THIOLA EC TBEC 100 MG .....	47
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS .....	33	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG .....	49	THIOLA EC TBEC 300 MG .....	47
tadalafil 5 MG .....	33	TEMODAR SOLR .....	23	thioridazine hcl .....	29
TAFINLAR CAPS .....	27	temozolomide CAPS .....	23	thiotepa 15 MG .....	23
tafluprost .....	58	temsirolimus .....	27	thiothixene .....	30
TAGRISSO 40 MG .....	24	TENIVAC INJ .....	62	THYMOGLOBULIN .....	54
TAGRISSO 80 MG .....	24	tenofovir disoproxil fumarate TABS 31		THYROGEN 0.9 MG .....	42
TAKHZYRO SOLN .....	47	terazosin hcl .....	20	tiagabine hcl .....	12
TAKHZYRO SOSY .....	47	terbinafine hcl TABS .....	18	TIBSOVO .....	27
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG .....	27	terbutaline sulfate SOLN .....	10	tigecycline .....	61
tamoxifen citrate TABS .....	25	terbutaline sulfate TABS .....	10	timolol maleate (ophth) SOLG .....	57
tamsulosin hcl .....	47	terconazole vaginal CREA .....	67	timolol maleate (ophth) SOLN .....	57
		terconazole vaginal SUPP .....	67	timolol maleate TABS .....	32
		teriflunomide .....	60	tiopronin TBEC 100 MG .....	47
		teriparatide (recombinant) SOPN ..	44	tiopronin TBEC 300 MG .....	47

tiotropium bromide monohydrate CAPS .....	9	tramadol-acetaminophen .....	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	41
TIVICAY TABS .....	31	trandolapril 1 MG, 2 MG .....	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	41
tizanidine hcl CAPS .....	56	trandolapril 4 MG .....	20	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....	41
tizanidine hcl TABS .....	56	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG .....	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 % .....	41
tobramycin (ophth) SOLN .....	57	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG .....	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 % .....	41
tobramycin NEBU .....	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML .....	48	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 % .....	41
tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	tranexamic acid TABS .....	49	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML .....	36
tobramycin-dexamethasone SUSP 58		tranylcypropramine sulfate .....	13	triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone .....	41
TODAY SPONGE MISC .....	66	travoprost SOLN .....	58	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG .....	43
tolcapone .....	28	TRAZIMERA .....	24	triamterene & hydrochlorothiazide TABS .....	43
tolmetin sodium CAPS .....	4	trazodone hcl TABS .....	14	triamterene CAPS .....	43
tolmetin sodium TABS 600 MG .....	4	TRECATOR .....	23	triazolam .....	49
TOLSURA CAPS .....	18	TRELEGY ELLIPTA .....	10	TRICARE TABS .....	56
tolterodine tartrate CP24 .....	63	TRELSTAR MIXJECT .....	25	trientine hcl 250 MG .....	54
tolterodine tartrate TABS .....	63	TREMFYA SOPN .....	39	trifluoperazine hcl TABS .....	29
tolvaptan TABS .....	45	TREMFYA SOSY .....	39	trifluridine .....	57
topiramate CPSP 15 MG .....	12	treprostinil SOLN IJ .....	33	trihexyphenidyl hcl SOLN .....	28
topiramate CPSP 25 MG .....	12	tretinoin (chemotherapy) .....	27	trihexyphenidyl hcl TABS .....	28
topiramate CS24 .....	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	37	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .....	15
topiramate TABS 200 MG .....	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .....	37	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG .....	15
topiramate TABS 25 MG, 100 MG .....	12	tretinoin microsphere 0.1 % .....	37	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG .....	61
topiramate TABS 50 MG .....	12	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	24		
topotecan hcl SOLR .....	28	triamcinolone acetonide (mouth) .....	55		
toremifene citrate .....	25	triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	56		
toremide TABS .....	43	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	41		
TRACLEER TBSO .....	33				
tramadol hcl TABS 50 MG .....	6				
tramadol hcl TB24 .....	6				

trimethobenzamide hcl CAPS ..... 17	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 51	MCG, 1400 MCG, 1600 MCG ..... 34
trimethoprim TABS .....21	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC .....51	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 34
trimipramine maleate CAPS ..... 15	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDED MISC .....51	ursodiol CAPS ..... 46
TRINTELLIX .....14	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC . 51	ursodiol TABS ..... 46
TRIUMEQ TABS .....31	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC ..... 51	UVADEX ..... 27
TRIZIVIR .....31	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 51	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...31
tropicamide SOLN 0.5 % .....57	TRUXIMA .....24	valacyclovir hcl 500 MG ..... 31
tropicamide SOLN 1 % .....57	TUKYSA .....24	valganciclovir hcl TABS .....31
tropium chloride CP24 .....63	TURALIO .....27	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML ..... 13
tropium chloride TABS .....63	TUZISTRA XR .....36	valproic acid CAPS ..... 13
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..42	TWIRLA ..... 35	valrubicin ..... 25
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN .....52	TWIRIX SUSY .....66	valsartan TABS ..... 20
TRUETRACK TEST STRP .....42	TYBLUME CHEW .....35	valsartan-hydrochlorothiazide .....21
TRULICITY .....16	TYBOST .....31	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ....11
TRUMENBA .....64	TYMLOS .....44	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...11
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC .....51	TYVASO REFILL SOLN IN .....33	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...11
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC .....51	TYVASO SOLN IN .....33	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD .....11
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC .....51	TYVASO STARTER SOLN IN ....33	vancomycin hcl CAPS ..... 22
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...51	UBRELVY ..... 52	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG .....22
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC .....51	UCERIS (budesonide (intra-rectal)) .7	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC .....51	UDENYCA ONBODY SOSY .....48	VAQTA ..... 66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC .....51	UDENYCA SOAJ ..... 48	varenicline tartrate TABS ..... 61
TRUSTEX	UDENYCA SOSY .....48	varenicline tartrate TBPK ..... 61
	UPTRAVI TABS 200 MCG .....34	VARIVAX INJ ..... 66
	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200	VARUBI TBPK ..... 18
		VAXNEUVANCE ..... 64
		VECAMYL .....21

VECTIBIX 100 MG/5ML .....	24	VITATHELY/GINGER TABS .....	56	XARELTO SUSR .....	10
venlafaxine hcl CP24 150 MG .....	14	VITRAKVI CAPS .....	27	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG .....	14	VITRAKVI SOLN .....	27	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10
venlafaxine hcl CP24 75 MG .....	14	VIVITROL .....	17	XELJANZ SOLN .....	2
venlafaxine hcl TABS .....	14	VIZIMPRO .....	24	XELJANZ TABS 10 MG .....	2
venlafaxine hcl TB24 150 MG .....	14	VORAXAZE .....	27	XELJANZ TABS 5 MG .....	2
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG .....	14	voriconazole TABS .....	18	XELJANZ XR TB24 .....	2
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	33	VOTRIENT (pazopanib hcl) .....	27	XEOMIN .....	56
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG .....	33	VYNDAMAX .....	34	XGEVA SOLN .....	44
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33	VYNDAQEL .....	34	XHANCE EXHU .....	56
verapamil hcl TABS .....	33	VYVANSE CAPS .....	1	XIFAXAN 200 MG .....	21
verapamil hcl TBCR .....	33	warfarin sodium TABS .....	10	XIFAXAN 550 MG .....	21
VEREGEN .....	37	water for irrigation, sterile .....	54	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	15
VERZENIO .....	27	WESTAB PLUS TABS .....	56	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15
VICTOZA .....	16	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....	51	XOLAIR SOLR .....	9
vigabatrin PACK .....	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....	51	XOLAIR SOSY 150 MG/ML .....	9
vigabatrin TABS .....	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....	51	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	9
VIIBRYD STARTER PACK KIT ...	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....	51	XOSPATA .....	27
vilazodone hcl TABS .....	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....	51	XPOVIO .....	25
vincristine sulfate .....	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....	51	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25	
vinorelbine tartrate 10 MG/ML .....	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....	51	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25	
VIRACEPT TABS 250 MG .....	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....	51	XTAMPZA ER .....	6
VIRACEPT TABS 625 MG .....	31	XALKORI CAPS .....	27	XTANDI CAPS .....	25
VIREAD POWD .....	31	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XTANDI TABS 40 MG .....	25
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....	31			XTANDI TABS 80 MG .....	25
VISTOGARD .....	17			XULTOPHY 100/3.6 .....	15
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....	67			YERVOY .....	24

YONSA .....	25	zoledronic acid SOLN .....	44
zafirlukast .....	9	ZOLINZA .....	27
zaleplon 10 MG .....	49	zolmitriptan SOLN .....	53
zaleplon 5 MG .....	49	zolmitriptan TABS .....	53
ZALTRAP 100 MG/4ML .....	24	zolmitriptan TBDP .....	53
ZANOSAR .....	23	zolpidem tartrate TABS .....	49
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zolpidem tartrate TBCR .....	49
ZARXIO .....	48	zonisamide CAPS .....	12
ZEJULA CAPS .....	27	ZONTIVITY .....	48
ZELBORAF .....	27	ZORBTIVE SC .....	44
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	43	ZUBSOLV SUBL 0.18 MG-0.7 MG, 0.36 MG-1.4 MG, 1.4 MG-5.7 MG, 2.1 MG-8.6 MG, 2.9 MG-11.4 MG .	7
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	43	ZUBSOLV SUBL 0.71 MG-2.9 MG .	7
zidovudine CAPS .....	31	ZYDELIG .....	27
zidovudine SYRP .....	31		
zidovudine TABS .....	31		
ZIEXTENZO .....	48		
zileuton TB12 .....	9		
ZIMHI SOSY .....	17		
ziprasidone hcl .....	29		
ZIRABEV .....	24		
ZIRGAN GEL .....	57		
ZOLADEX 10.8 MG .....	25		
ZOLADEX 3.6 MG .....	25		
zoledronic acid CONC .....	44		



Ambetter from WellCare of Kentucky is underwritten by WellCare Health Plans of Kentucky, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Kentucky Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. © 2023 WellCare Health Plans of Kentucky, Inc. All rights reserved.